

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN
THÔNG
Số: 20/2004/QĐ-BBCVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 4 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

*Ban hành cước dịch vụ thuê kênh viễn thông liên tỉnh
của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam*

BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 217/2003/QĐ-TTg ngày 27/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá cước các dịch vụ bưu chính, viễn thông;

Xét đề nghị của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam tại công văn số 287/GCTT ngày 19/01/2004 về cước dịch vụ thuê kênh riêng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bảng cước thuê kênh viễn thông liên tỉnh của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2004. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Các qui định cụ thể:

Vùng cước thuê kênh viễn thông liên tỉnh được qui định tại bảng phụ lục kèm theo. Điểm kết cuối kênh viễn thông liên tỉnh là trung tâm truyền dẫn đường dài liên tỉnh của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam đặt các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các mức cước tại bảng trên chưa bao gồm cước phần kênh truyền dẫn nội tỉnh để kết nối kênh liên tỉnh.

Kênh truyền dẫn nội tỉnh (đã bao gồm cả truyền dẫn nội hạt) để kết nối kênh liên tỉnh:

Mức cước ở mỗi đầu được qui định như sau:

2.1. Đối với 03 thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, chia thành 02 mức:

2.1.1. Không quá 85% mức cước cùng tốc độ (mức cước 1) bảng cước thuê kênh riêng nội hạt đối với trường hợp điểm kết cuối của khách hàng nằm trong khu vực các quận nội thành;

2.1.2. Không quá 85% mức cước cùng tốc độ (mức cước 2) bảng cước thuê kênh riêng nội hạt đối với các trường hợp kết cuối của khách hàng nằm tại các huyện ngoại thành.

2.2. Đối với các tỉnh thành phố còn lại chia thành 02 mức:

2.2.1. Không quá 50% mức cước cùng tốc độ (mức cước 1) bảng cước thuê kênh riêng nội tỉnh đối với trường hợp điểm kết cuối nằm trong khu vực thành phố, thị xã là tỉnh lỵ của tỉnh, các quận nội thành của thành phố trực thuộc trung ương;

2.2.2. Không quá 50% mức cước cùng tốc độ (mức cước 2) bảng cước thuê kênh riêng nội tỉnh đối với các trường hợp còn lại.

Các mức cước trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam :

Quy định các mức cước cụ thể trong khung cước đã được quy định tại Quyết định này.

Quy định cước đầu nối hoà mạng ban đầu.

Khi ban hành quyết định các mức cước cụ thể theo thẩm quyền, Tổng Công ty có thông báo với Bộ Bưu chính, Viễn thông trước khi quyết định có hiệu lực.

Đối tượng áp dụng : Là các khách hàng sử dụng dịch vụ thuê kênh riêng liên tỉnh của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam.

BẢNG CƯỚC THUÊ KÊNH VIỄN THÔNG
LIÊN TỈNH CỦA TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH - VIỄN THÔNG VIỆT NAM

{Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2004 /QĐ-BBCVT ngày 09 /4/2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông}

Đơn vị tính: 1000đ/kênh/tháng

		Vùng 1		Vùng 2		Vùng 3		Vùng 4		Vùng 5	
	Kênh tốc độ	Cước trần	Cước sàn	Cước trần	Cước sàn	Cước trần	Cước sàn	Cước trần	Cước sàn	Cước trần	Cước sàn
1	Kênh điện báo tốc độ 50 baud	486	389	716	573	948	758	1.508	1.206	2.489	1.991
2	Kênh điện báo tốc độ 100 baud	599	479	883	706	1.166	933	1.856	1.485	3.064	2.451
3	Kênh thoại dùng đề liên lạc điện báo nhiều kênh	1.869	1.495	2.757	2.205	3.645	2.916	5.799	4.639	9.572	7.658